

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 05)

Dự án: Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả trên địa bàn tỉnh;

Theo Văn bản số 3256/SXD-QLXD&VL ngày 11/11/2022 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số vướng mắc trong quá trình áp dụng Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh;

Theo Thông báo số 66/TB-XD-TC ngày 10/02/2023 của Sở Xây dựng về việc thông báo công bố giá vật liệu xây dựng tháng 01 năm 2023;

Theo Thông báo số 359/TB-STC ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính về việc thông báo giá gạo quý I năm 2023;

Theo Văn bản số 24/UBND-ĐC ngày 10/02/2023 của UBND xã Phước Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất và số nhân khẩu của các hộ có đất bị thu hồi do ảnh hưởng công tác giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, TĐC và GPMB Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 18/TTr-HĐBTGPMB ngày 02/03/2023 (kèm theo Phương án Bồi thường hỗ trợ chi tiết Đợt 5).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 05) để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): **1.780.007.239 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm tám mươi triệu, không trăm lẻ bảy ngàn, hai trăm ba mươi chín đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 1.745.105.136 đồng;

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 34.902.103 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của nhà đầu tư để chi trả.

3. Nội dung chi tiết: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 05) kèm theo tờ trình số 18/TTr-HĐBTGPMB ngày 02/03/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *Phu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10, K16. *Phu*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỢT 5)
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI DIỆM VÂN XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	BỒI THƯỜNG, VỀ ĐẤT	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ VKT	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ CÂY TRỒNG	HỖ TRỢ TỰ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM	HỖ TRỢ CHI PHÍ ĐÁP BỒ, TÔN TẠO AO NTTS	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
1	Trần Hữu Khánh	36.217.100	66.074.450	5.522.000	108.651.300	241.839.000		458.303.850	
2	Trần Văn Ngọ	248.500	155.574.286		745.500	258.349.000		414.917.286	
3	Dương Thanh Hải						25.272.000	25.272.000	
4	Dương Thế Cung (chết); Con: Dương Thanh Quang (kê khai)						16.848.000	16.848.000	
5	Dương Văn Tường						29.484.000	29.484.000	
6	Dương Xuân Diệu						25.272.000	25.272.000	
7	Dương Xuân Lặng						21.060.000	21.060.000	
8	Huỳnh Biện						16.848.000	16.848.000	
9	Huỳnh Sáu (chết); Vợ: Nguyễn Thị Ký						16.848.000	16.848.000	
10	Huỳnh Đình Hương						21.060.000	21.060.000	
11	Huỳnh Thị Lộng						12.636.000	12.636.000	
12	Huỳnh Thị Lùn						12.636.000	12.636.000	
13	Huỳnh Trọt (chết); Vợ: Lê Thị Cúc						25.272.000	25.272.000	
14	Huỳnh Văn Cảnh						12.636.000	12.636.000	
15	Huỳnh Văn Huy						16.848.000	16.848.000	
16	Huỳnh Văn Khả						4.212.000	4.212.000	
17	Lê Khắc Hùng (chết); Vợ: Mai Thị Kim Liên						12.636.000	12.636.000	
18	Lê Tài (chết); Vợ: Võ Thị Quai						12.636.000	12.636.000	
19	Lê Thị Lựu						8.424.000	8.424.000	
20	Lê Văn Nhân						12.636.000	12.636.000	
21	Lê Văn Phương						12.636.000	12.636.000	
22	Lê Văn Thanh						16.848.000	16.848.000	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	BỒI THƯỜNG, VỀ ĐẤT	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ VKT	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ CÂY TRỒNG	HỖ TRỢ TỰ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM	HỖ TRỢ CHI PHÍ ĐÁP BÒ, TÔN TẠO AO NTTS	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
23	Lê Văn Thơm						29.484.000	29.484.000	
24	Mai Thị Chín (chết); Con: Tạ Thị Thu Huynh (kê khai)						12.636.000	12.636.000	
25	Mai Thị Quàng (chết); Con: Mai Văn Y (kê khai)						12.636.000	12.636.000	
26	Mai Xuân Ánh (chết); Vợ: Nguyễn Thị Đức						4.212.000	4.212.000	
27	Mai Xuân Nghị (chết); Con: Mai Thị Lệ Thủy (kê khai)						16.848.000	16.848.000	
28	Mai Xuân Tứ (chết); Vợ: Phan Thị Đàng (chết); Con: Mai Xuân Nhiên						21.060.000	21.060.000	
29	Nguyễn Miên						29.484.000	29.484.000	
30	Nguyễn Thanh Bình (Vợ: Trần Thị Bạc)						16.848.000	16.848.000	
31	Nguyễn Thị Hoa						16.848.000	16.848.000	
32	Nguyễn Thị Mên (chết); con: Mai Xuân Sang						25.272.000	25.272.000	
33	Nguyễn Thị Hương (chết); Con: Mai Xuân Hùng (vợ: Trần Thị Kính) kê khai						29.484.000	29.484.000	
34	Nguyễn Văn Chánh						12.636.000	12.636.000	
35	Nguyễn Văn Hòa (chết); Vợ: Lê Thị Đành						29.484.000	29.484.000	
36	Nguyễn Văn Học						21.060.000	21.060.000	
37	Nguyễn Văn Thuấn (chết); Con: Nguyễn Văn Tùng (kê khai)						8.424.000	8.424.000	
38	Nguyễn Văn Xin						16.848.000	16.848.000	
39	Phan Kim Bá (chết); Con: Phan Văn Châu (kê khai)						21.060.000	21.060.000	
40	Phan Kim Thiện						21.060.000	21.060.000	
41	Phan Lại						12.636.000	12.636.000	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	BỒI THƯỜNG, VỀ ĐẤT	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ VKT	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ CÂY TRỒNG	HỖ TRỢ TỰ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM	HỖ TRỢ CHI PHÍ ĐÁP BỒ, TÔN TẠO AO NTTS	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
42	Phan Lâm (chết); Con: Phan Thanh Lâu (chết); Đỗ Thị Xê						12.636.000	12.636.000	
43	Phan Thị Nhóc (chết); Con: Hồ Văn Thừa						16.848.000	16.848.000	
44	Phan Văn Mai						29.484.000	29.484.000	
45	Phan Văn Nghè (chết); Vợ: Mai Thị Nghẹn; Con: Phan Văn Út, Phan Văn Hà, Phan Văn Hải (kê khai)						16.848.000	16.848.000	
46	Trần Tích (chết); Con: Trần Văn Pha (kê khai)						21.060.000	21.060.000	
47	Trần Thị Em						12.636.000	12.636.000	
48	Trần Thị Mai						12.636.000	12.636.000	
49	Trần Văn Chín						8.424.000	8.424.000	
50	Trần Văn Hôn						16.848.000	16.848.000	
51	Trần Văn Phước (chết); Vợ: Nguyễn Thị Xíu						21.060.000	21.060.000	
52	Võ Thị Phước; (Chồng: Huỳnh Kim Bạo)						12.636.000	12.636.000	
	TỔNG CỘNG	36.465.600	221.648.736	5.522.000	109.396.800	500.188.000	871.884.000	1.745.105.136	
A	TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:							1.745.105.136	
B	CHI PHÍ GPMB (2% A):							34.902.103	
C	TỔNG CỘNG (A+B):							1.780.007.239	

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT (ĐỢT 05)

Dự án: Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
I	Thôn Diêm Vân		
1	Trần Hữu Khánh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	458.303.850
2	Trần Văn Ngọ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	414.917.286
3	Dương Thanh Hải	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	25.272.000
4	Dương Thế Cung (chết); Con: Dương Thanh Quang (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
5	Dương Văn Tường	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	29.484.000
6	Dương Xuân Diệu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	25.272.000
7	Dương Xuân Lặng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.060.000
8	Huỳnh Biện	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
9	Huỳnh Sáu (chết); Vợ: Nguyễn Thị Ký	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
10	Huỳnh Đình Hương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.060.000
11	Huỳnh Thị Lộng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
12	Huỳnh Thị Lùn	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
13	Huỳnh Trọt (chết); Vợ: Lê Thị Cúc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	25.272.000
14	Huỳnh Văn Cảnh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
15	Huỳnh Văn Huy	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
16	Huỳnh Văn Khả	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.212.000
17	Lê Khắc Hùng (chết); Vợ: Mai Thị Kim Liên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
18	Lê Tài (chết); Vợ: Võ Thị Quai	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
19	Lê Thị Lựu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	8.424.000
20	Lê Văn Nhân	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
21	Lê Văn Phương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
22	Lê Văn Thanh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
23	Lê Văn Thom	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	29.484.000
24	Mai Thị Chín (chết); Con: Tạ Thị Thu Huỳnh (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
25	Mai Thị Quàng (chết); Con: Mai Văn Y (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
26	Mai Xuân Ánh (chết); Vợ: Nguyễn Thị Đức	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.212.000
27	Mai Xuân Nghị (chết); Con: Mai Thị Lê Thủy (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
28	Mai Xuân Tứ (chết); Vợ: Phan Thị Đàng (chết); Con: Mai Xuân Nhiên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.060.000
29	Nguyễn Miên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	29.484.000
30	Nguyễn Thanh Bình (Vợ: Trần Thị Bạc)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
31	Nguyễn Thị Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
32	Nguyễn Thị Mên (chết); con: Mai Xuân Sang	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	25.272.000
33	Nguyễn Thị Hương (chết); Con: Mai Xuân Hùng (vợ: Trần Thị Kỉnh) kê khai	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	29.484.000
34	Nguyễn Văn Chánh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
35	Nguyễn Văn Hòa (chết); Vợ: Lê Thị Đành	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	29.484.000
36	Nguyễn Văn Học	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.060.000
37	Nguyễn Văn Thuận (chết); Con: Nguyễn Văn Tùng (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	8.424.000
38	Nguyễn Văn Xin	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
39	Phan Kim Bá (chết); Con: Phan Văn Châu (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.060.000
40	Phan Kim Thiện	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.060.000
41	Phan Lại	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
42	Phan Lâm (chết); Con: Phan Thanh Lâu (chết); Đỗ Thị Xê	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
43	Phan Thị Nhóc (chết); Con: Hồ Văn Thừa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
44	Phan Văn Mai	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	29.484.000
45	Phan Văn Nghè (chết); Vợ: Mai Thị Nghen; Con: Phan Văn Út, Phan Văn Hà, Phan Văn Hải (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
46	Trần Tích (chết); Con: Trần Văn Pha (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.060.000
47	Trần Thị Em	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
48	Trần Thị Mai	Số 19 Võ Lai, thành phố Quy Nhơn	12.636.000
49	Trần Văn Chín	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	8.424.000
50	Trần Văn Hôn	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	16.848.000
51	Trần Văn Phước (chết); Vợ: Nguyễn Thị Xíu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	21.060.000
52	Võ Thị Phước; (Chồng: Huỳnh Kim Bạo)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	12.636.000
TỔNG CỘNG:			1.745.105.136